

**TỪ CÁI NHÌN VỀ PHÔI BÀO
ĐẾN NHỮNG QUAN ĐIỂM TÁI SINH, LUÂN HỒI VÀ TRỢ TỪ
THEO ĐẠO PHẬT
Tâm Hà Lê Công Đa**

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 9-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

---o0o---

Các lý thuyết tôn giáo cũng như các nhà khoa học đã cố gắng đưa ra những lý giải khác nhau về nguồn gốc xuất hiện của con người trên trái đất này. Phải chăng con người là sản phẩm do Thượng Đế tạo dựng hay chỉ là một giống vượn người trải qua một chuỗi quá trình tiến hoá lâu dài rồi biến thành người theo thuyết tiến hoá của Darwin? Trước vấn đề này, Phật giáo vốn tin tưởng vào thuyết tái sinh, luân hồi, cho rằng tất cả các loài chúng sanh luôn quanh quẩn trong vòng luân hồi sinh tử (samsâra), và được tái sinh qua bốn cách thể khác nhau: noãn sinh - andaja, tức là sự sanh ra từ trứng; thai sinh - jatâbuja, tức là sanh ra từ bào thai của người mẹ; thấp sinh - samsedja, tức là sanh ra từ sự ẩm thấp hay từ rịn rỉ của các thành tố, đất, nước v.v... ; và hóa sinh - oppâtika, tức là do hóa hiện mà sanh ra, không phải trải qua các giai đoạn phôi thai; những con người đầu tiên là những chúng sanh thuộc loại hoá sinh này.

Cho dù khoa học ngày càng tiến bộ, đặc biệt là trên lãnh vực Sinh học với sự khám phá DNA, đã giải mã một số bí mật trong lãnh vực Di truyền học, cùng với những nghiên cứu sâu rộng về tế bào mầm và kỹ thuật nhân giống (cloning), câu hỏi về nguồn gốc con người cho đến nay vẫn chưa có lời giải đáp thỏa đáng. Tuy nhiên một điều mà chắc hẳn mọi người đều đồng ý với nhau là, con người được sinh ra đời do kết quả của sự thụ tinh, từ đó phôi bào được hình thành, nuôi dưỡng và nảy nở trong tử cung của người mẹ trong một khoảng thời gian nào đó trước khi chào đời. Chúng ta tạm thời bắt đầu từ khởi điểm này, bởi vì từ điểm cốt lõi này, nhân loại hôm nay đang đối diện với một vấn đề bao trùm trên khắp các mặt lương tâm, đạo đức, luân lý, và xã hội, một vấn đề hiện vẫn còn gây ra nhiều tranh cãi và đôi khi dẫn đến đổ máu: Phôi bào có thể xem như là một con người? Nếu quan niệm phôi

bào là một con người tại sao luật pháp của các xã hội lại chấp nhận chuyện phá thai, không xem đó là một tội ác sát nhân?

Để ngăn ngừa tình trạng nhân mãn, trên thế giới - đặc biệt là tại các quốc gia hiện đang bị đe dọa bởi nạn nhân mãn như Trung quốc, Nhật Bản, Việt Nam,...- hàng năm đã có đến hàng triệu sinh mạng bị bóp chết ngay từ khi còn là một phôi bào. Như vậy, đạo đức Phật giáo quan niệm như thế nào về vấn đề này?

Quan Điểm của Phật Giáo Về Ngừa Thai, Phá Thai, Tái Sanh và Luân Hồi.

Trong dịp Đức Đạt Lai Lạt Ma viếng thăm Âu Châu hồi gần đây, khi tiếp xúc với những nhà trí thức phương Tây, một số nhà khoa học Pháp đã nêu lên câu hỏi:

"Thưa Đức Đạt Lai Lạt Ma, Ngài tin rằng vào thời điểm nào trong quá trình thụ thai của sinh vật bắt đầu hàm chứa những hạt mầm tinh thần hay dấu hiệu thiêng liêng của sự sống?"

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã trả lời rằng:

"Quan niệm rằng ý thức xâm nhập vào sinh vật ngay từ phút giây đầu tiên của sự thụ thai, bởi lẽ đó mà phôi bào vẫn được coi như là một sinh vật. Cho nên chúng tôi xem hành động phá thai cũng giống như việc cướp đi sự sống của một con người và dĩ nhiên đây không phải là một việc làm chánh đáng.¹

Quan niệm này đã được Ngài khẳng định lại một lần nữa khi người ta nêu lên câu hỏi về vấn đề kiểm soát dân số:

Thưa Ngài, quan niệm của Ngài như thế nào về việc kiểm soát sinh sản và Ngài có ý kiến gì về việc phá thai?

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã trả lời như sau:

"Để trả lời cho câu hỏi này tôi thường giải thích theo quan điểm của người Phật tử vốn quan niệm rằng đời sống của tất cả mọi loài chúng sanh, kể cả côn trùng sâu bọ và đặc biệt là con người, đều rất quý giá. Nếu nhìn vấn đề như thế thì tất cả mọi hình thức kiểm soát sinh sản đều cần phải được ngăn cấm. Tuy nhiên những sinh mạng quý giá đó nay đã đạt đến một số lượng đáng kể, thế nên chúng ta không thể không khẩn thiết kêu gọi mọi người phải quan tâm đến vấn đề hạn chế sinh sản một cách nghiêm túc, vì đó là

phương cách duy nhất để hạn chế tình trạng gia tăng dân số. Như tôi đã từng đề cập, khi mà tài nguyên của trái đất đang khô kiệt dần, tôi chấp nhận chuyện hạn chế sinh sản một cách bất bạo động.

Còn phá thai là một chuyện khác, đó là một hành động sát nhân. Truyền thống Giới Luật Phật giáo chỉ rõ rằng ta không được giết hại con người, cho dù đó là một bào thai.²

Những phát biểu của Đức Đạt Lai Lạt Ma khi trả lời cuộc phỏng vấn nói trên, xem phôi bào như là một con người, đã phản ánh một cách khá đầy đủ và đúng đắn quan điểm chính thức của Phật giáo đối với các vấn đề xã hội liên quan đến ngừa thai và phá thai. Nếu như khoa sinh vật học ngày nay đã chứng minh rằng phôi bào là sự kết hợp của hai thành tố, tinh trùng của người đàn ông và noãn châu của người đàn bà thì trong rất nhiều kinh điển Phật giáo, hình thức thai sanh-sanh ra từ bào thai của người mẹ- đã từng được đề cập đến, có thể tóm tắt như sau : "Chúng sanh đầu thai này (Gandhabha), kẻ mang tâm thức, nhân cơ hội giao phối giữa một nam và một nữ, nhập vào cái phôi thai được hình thành qua sự giao phối ấy." Như vậy, để một sự sống có thể được hình thành, trước tiên phải có một "chúng sanh đầu thai ", thế nên ngoài hai yếu tố tinh trùng và noãn châu, theo Phật giáo còn có một yếu tố quan trọng thứ ba, đó là cái thức tái sanh (patisandhivinnāna), hay theo cách gọi của Đức Đạt Lai Lạt Ma ở trên, một cái ý thức, xuất hiện ngay chính vào lúc thụ thai.

Cái thức tái sanh này là gì và từ đâu ra, tại sao lại đợi đến lúc thụ tinh mới xuất hiện? Theo quan điểm của Phật giáo, đặc biệt là trường phái Duy Thức học, cái ý thức này còn được mang một cái tên khác là A Lại Da Thức, hay Tàng Thức. Tàng thức như tên gọi của nó qua suốt một đời người đã tích lũy, dồn chứa -tức là huân tập- một số lớn chủng tử (bija), cùng kết hợp với những chủng tử được tích lũy từ các đời trước tạo thành một yếu tố tâm vật lý dưới dạng năng lực. Dạng năng lực này Phật giáo gọi là nghiệp lực trong đó một số chủng tử khi hội đủ các yếu tố trợ duyên, và được thúc đẩy bởi lòng khát ái (tanha), tức là lòng khao khát được hiện hữu đã làm sinh khởi, hình thành nên một đời sống mới của chúng sinh. Như vậy, chính nghiệp hay nghiệp lực là sức đẩy chính cho cái mầm chúng sanh đầu thai này đi tái sanh, hay nói một cách cụ thể hơn, khi những điều kiện di truyền được thể hiện trong hoàn cảnh thuận tiện, một hình thức tâm vật lý xâm nhập vào, và qua đó sự sống được tiếp nối. Tiến trình này đã được đức Phật thuyết giảng trong bộ Trung Bộ Kinh (MAJJHIMA NIKAYA,) phẩm AHATANHAKHAYA, số 38, tóm tắt như sau: Ở nơi nào ba thành tố nguyên thủy được cấu tạo chung thì mầm sống được gieo trồng nơi ấy.

Trong sự giao hợp của cha mẹ, nếu không nhằm lúc thọ thai của người mẹ, và không có chúng sanh đầu thai, thì mầm sống không thể gieo trồng được. Nếu nhằm lúc thọ thai của người mẹ mà không có chúng sanh đầu thai thì mầm sống cũng không gieo trồng được. Nếu nhằm lúc thọ thai của người mẹ và chúng sanh đi đầu thai cũng có mặt trong lúc giao hợp, nếu hội đủ ba nhân: tinh-trùng, noãn bào và thức, thì mầm sống được gieo trồng: "Này các Tỳ-kheo, nơi nào có ba thành tố ấy hợp lại thì tại nơi đó một mầm sống được gieo".

Trong ba thành tố này, thức đóng một vai trò rất quan trọng nếu không nói là chủ yếu trong tiến trình đầu thai. Cuộc đối thoại sau đây giữa Đức Phật và Ngài A-nan đã làm nổi bật tính cách quan trọng này:

Này A-nan, nếu cái thức này không giáng nhập vào bụng người mẹ thì tâm và thân có hình thành trong bụng người mẹ không?

Bạch Thế Tôn, không.

Này A-nan, nếu thức ấy, sau khi đã giáng nhập vào bụng người mẹ mà lại bỏ chỗ này đi thì tâm và thức có tạo thành cái này hay cái nọ không?

Bạch Thế Tôn, không.

Này A-nan, còn nếu cái thức này đang ở trong một bé trai hay một bé gái khi mà các em này còn nhỏ, lại biến mất đi thì tâm và thân có tăng trưởng, phát triển và lớn lên không?

Bạch Thế Tôn, không. -- (Dn,II,63)

Với Phật giáo Tây Tạng, cái thức này còn được gọi dưới một tên khác là thần thức. Thần thức chính là một tổng hợp của tất cả năng lực, ý chí, khát vọng của một con người trải qua nhiều kiếp sống, và khi cái xác thân hiện tại mà nó nương náu đi vào chu kỳ hoại diệt thì liả bỏ đi tìm một xác thân mới để đầu thai. Cuốn "Tạng Thư Sống Chết của người Tây Tạng" đã mô tả một cách khá chi tiết về tiến trình lựa chọn tử cung của thần thức trong giai đoạn thân trung ấm, còn được gọi là giai đoạn quá độ trước khi tái sanh, xảy ra trong vòng 49 ngày sau khi ta chết. Trong giai đoạn này, có những chúng sinh do vì nghiệp ác sâu dày, đã không vãng sanh đến được những cảnh giới tốt đẹp sau khi liả đời, thần thức của họ sẽ phải lang thang đi tìm nơi chốn để đầu thai. Lúc này, do duyên may, nếu có một vị thầy với đạo lực vững chắc

ở bên cạnh, hướng dẫn thực hiện năm phương pháp được gọi là đóng cửa tử cung, cũng có thể giúp cho thần thức một cơ hội cuối cùng để từ chối sự tái sinh. Nếu nỗ lực này thất bại vì có nhiều hạng người do nghiệp lực quá mạnh mẽ, đen tối và cũng vì trong quá khứ họ là những kẻ bất lương, đã không làm được những hành động tốt nên không thể đóng được cửa tử cung, thế nên họ đành phải chọn lựa cửa tử cung để tái sinh trở lại.

Tái sinh trở lại có nghĩa là thần thức của người chết sẽ đi vào một trong sáu cõi luân hồi: Trời, người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, hay địa ngục. Lúc này, cũng theo cuốn Tạng Thư Sống Chết mô tả, các cảnh giới tái sinh sẽ xuất hiện. Thần thức của người chết có thể trông thấy một hồ nước, trên đó đang nổi trôi các con thiên nga đực và cái, hoặc là một hồ nước với những con ngựa đực và cái, hay là những bày súc vật đang gặm cỏ trên bờ hồ, có những cây lớn chung quanh. Tạng Thư Sống Chết cảnh cáo rằng đây là những đại lực không tốt đẹp, vì thiếu vắng tôn giáo, thần thức không nên bước vào.

Cũng trong lúc này, những ai phải sinh làm A Tu La thì sẽ thấy, hoặc là một khu rừng tốt đẹp, hoặc là những vòng tròn lửa xoay ngược chiều nhau. Kẻ nào phải sinh làm súc sanh, sẽ thấy những hang đá, những lỗ sâu trong đất. Kẻ nào phải sinh làm ngạ quỷ sẽ thấy những đồng bằng hiu quạnh, trống trơn, những hang động ít sâu, những rừng thưa trong rừng cấm, những vùng đất đầy rừng. Vào đó, sinh làm ngạ quỷ, sẽ phải chịu đói rét và đau khổ. Còn những người nào phải thác sinh vào cõi địa ngục, sẽ nghe những tiếng như những lời than vãn và sẽ bị lôi kéo vào một cách không cưỡng lại được. Sẽ hiện ra những khoảng tối mù mịt, những nhà đen và trắng, những lỗ đen ngòm trong đất, những con đường tối om mà người ta sẽ phải đi theo. Vào đó tức là vào cảnh giới địa ngục, người ta sẽ phải đau khổ vì quá nóng hoặc quá lạnh và phải chịu đựng lâu dài khó thoát ra được.

Chỉ có hai cảnh giới mà thần thức cần lưu ý để bước vào: Cảnh giới loài người với những nhà cửa lớn, đẹp và cảnh giới của cõi trời với những đền đài xinh đẹp, xây dựng bằng kim loại quý hiện ra.³

Đến đây một câu hỏi sẽ được đặt ra: Lý do nào khiến thần thức khó có thể lựa chọn được cảnh giới tái sinh tốt đẹp theo ý muốn trong lúc này? Cuốn Tạng Thư Sống Chết giải thích: "Bấy giờ những cảnh cuồng nộ sẽ hiện ra trước mắt, những kẻ hung ác như muôn đời mạng sẽ lôi kéo dẫn đường, những bóng tối, gió dữ, những tiếng động kinh khủng, bão tuyết và những cơn mưa đá, giông tố kinh hồn, những luồng gió rét buốt tận xương xẩy đến làm thần thức sợ hãi khởi lên ý tưởng trốn chạy, tìm chỗ ẩn nấp. Họ tìm vào

trong các nhà cửa, hang đá, lỗ đất đào, cánh rừng,... (như đã miêu tả ở trên) để ẩn trốn. Núp ở đây người ta thoát khỏi sự sợ hãi dày vò và không muốn rời xa chỗ đó vì nghĩ rằng "Ra khỏi đây bây giờ là không tốt." Chỗ đang ẩn trốn mà thần thức nghĩ là an toàn đó, chính là tử cung của người mẹ."⁴

Như vậy, do nghiệp dẫn dắt mà sinh ra thọ, để từ đó có thọ mạng và rồi theo luật thành, trụ, hoại, không những đời sống cứ tiếp nối mãi không ngừng như những lượn sóng của một đại dương. Sự liên tục tiếp nối mãi của sống chết, chết sống do nguồn năng lực của mỗi cá nhân tác động lên, được gọi là Luân-Hồi (samsàra).

---o0o---

Nhân Quả, Nghiệp Báo và Luân Hồi.

Thật ra lý thuyết về luân hồi tái sinh không phải là riêng của Phật giáo. Đây là gia sản tinh thần chung của cả nhân loại được kết tập lại qua hàng bao thế kỷ, Đức Phật chỉ là người với tuệ giác của mình đã lý giải vấn đề một cách rõ ràng sáng tỏ, chỉ rõ ra cho nhân sinh những điểm còn mê mờ vướng mắc, đặc biệt là một số tà kiến, hiểu biết sai lầm về nhân quả lưu hành trước đó và đương thời. Lúc bấy giờ người ta đã hiểu, quan niệm về luật nhân quả một cách đơn giản, hời hợt, và đôi khi cực đoan, chẳng hạn như cho rằng hễ gieo nhân nào thì gặt quả nấy, "trồng dưa hái dưa, trồng đậu hái đậu", không thể nào tránh khỏi. Nhận thức này có một tác dụng tâm lý là tạo nên sự sợ hãi ở tín đồ khiến họ làm lành lánh dữ với hy vọng được hưởng phước báu trong đời này hoặc đời sau, tuy nhiên lại làm nảy sinh ra một thái độ tiêu cực là con người sẽ thờ ơ, dửng dưng trước bất công xã hội và khổ đau của đồng loại. Người ta sẽ cho rằng, những kẻ làm ác nay phải gánh chịu hậu quả là đúng rồi, đâu có gì để họ phải than vãn, và như vậy tại sao ta phải bày tỏ sự quan tâm đến họ làm gì? Quan niệm như thế rõ ràng là đã phản lại tinh thần từ bi, không nắm vững đạo lý nhân quả theo quan điểm của Phật giáo. Bởi vì nếu hiểu theo tinh thần này thì những nỗ lực cá nhân nhằm thay đổi nghiệp quả trở nên phù phiếm, việc tu hành trở nên vô ích, và như vậy trong kinh sách Phật giáo còn được lưu truyền lại, làm gì có chuyện tướng cướp Vô Nã phạm những tội ác đại nghịch, kể cả âm mưu định giết mẹ, chỉ một phút buông dao đã trở thành Bồ Tát, đắc quả A-la-hán ngay trong hiện kiếp?

Trên một khía cạnh nào đó thì luân hồi là hệ quả của luật nhân quả, thế nên muốn hiểu đúng luân hồi trước tiên phải hiểu đúng luật nhân quả. Theo quan

điểm Phật giáo, luật nhân quả tự trung bao hàm hai hệ thống được đan chồng vào nhau:

Đẳng lưu nhân quả: Tất cả vạn pháp hiện hành đều do những chủng tử của nó sinh khởi ra.

Dị thực nhân quả: Sự sống hiện hành là do nghiệp lực hiện khởi, vui là do nghiệp lực thiện, khổ là do nghiệp lực ác.

Nghiệp quả và luân hồi như vậy đã gắn bó chặt chẽ với nhau và trở thành một bộ phận quan trọng trong giáo lý của đạo Phật, một phần giúp lý giải sự hiện hữu của vạn pháp, mặt khác hình thành một nhân sinh quan đặc thù Phật giáo.

Thi hào Nguyễn Du trong tác phẩm Truyện Kiều nổi tiếng đã từng cất lên một tiếng thở dài:

Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần, trời xa.

Thế nên cuộc đời truân chuyên của nàng Kiều như đã được sắp sẵn, khó có thể cưỡng chống:

Ma đưa lối, quỷ dẫn đường,
Cứ tìm những lối đoạn trường mà đi!

Nghiệp là cái gì mà theo cách nói của thi hào Nguyễn Du có vẻ như chi phối hoàn toàn định mệnh của một con người như thế? Phải chăng tất cả những gì của chúng ta hôm nay đều là kết quả hành động của chúng ta từ bao nhiêu kiếp trước, và nó được an bài chi li cụ thể đến độ "nhất âm, nhất trắc giai do tiền định" ? Thuở Đức Phật còn tại thế, có một chàng thanh niên tên Sudha, cũng đã mang những thắc mắc như chúng ta hôm nay và tìm đến bạch Phật rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, vì lý do nào và nguyên nhân nào trong đời có người yếu và có người thọ, người bệnh hoạn và người khoẻ mạnh, người xấu xa và người đẹp đẽ, có hạng người làm gì cũng không ai làm theo, nói chi cũng không ai nghe và hạng người có thể lực, làm gì cũng có người theo, nói chi cũng có người nghe, có người nghèo khổ và người giàu sang, có người sanh

trưởng trong gia đình bản tiện và có người dòng dõi cao sang, có người ngu dốt và có người trí tuệ? "

Đức Phật đã trả lời vấn đề như sau:

"Tất cả chúng sanh đều mang theo cái Nghiệp (Kamma) của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chí thân, như chỗ nương tựa. Chính vì cái nghiệp riêng của mỗi người mỗi khác nên mới có cảnh dị đồng giữa chúng sanh."⁵

Cái dị đồng này chính là quả báo tức là kết quả của các hành động và khuynh hướng của chúng ta trong quá khứ và trong hiện tại, tức là do nghiệp tạo ra. Như vậy, nghiệp là gì, đóng vai trò như thế nào trong tiến trình đầu thai, tái sinh của chúng sinh?

Nghiệp nguyên ngữ tiếng Phạn là Karma, P?li là Kamma và Trung quốc phiên âm thành Yết-ma, theo đúng nghĩa của danh từ, là hành động, hay việc làm, tức là hành vi tạo tác, là những gì đã tạo ra do tác dụng của ý chí v.v... Định nghĩa rõ ràng nhất của Nghiệp là Tác ý (cetana). Tư tưởng, lời nói, việc làm, thường khởi xuất là do "ý muốn làm" tạo nên động cơ. Phật Giáo gọi ý muốn làm ấy là Tác ý (cetana). Tất cả những hành động có tác ý, đều biểu hiện bằng thân, khẩu, hay ý, đều tạo Nghiệp. Tất cả những hành động có tác ý, thiện hay bất thiện, đều tạo Nghiệp. Theo định nghĩa này thì những hành động không có chủ tâm, mặc dầu đã biểu hiện bằng lời nói hay việc làm, đều không tạo Nghiệp. Đó là nội dung lời dạy của Đức Phật: "Này hỡi các Tỳ Khưu, Như Lai xác nhận rằng chính Tác ý là Nghiệp. Do có ý muốn mới có hành động, bằng thân, khẩu hay ý"⁶. Từ Tác ý phát sinh ra hành động được thể hiện qua thân xác, lời nói và ý tưởng, thế nên, Nghiệp bao gồm Thân Nghiệp, Khẩu Nghiệp và Ý Nghiệp trong đó Ý Nghiệp đóng vai trò trội bật vì như đã nói, Tác ý chính là Nghiệp. Một cách cụ thể, tất cả những tác nhân trong hiện tại đều được chi đạo bởi ý chí phát sinh ra trong tâm thức, hay những tác động tâm ý khiến cho thân và miệng làm theo ý chí sai khiến, cho nên trong Kinh Trung A-hàm 32, Đức Phật đã khẳng định điều đó một cách rõ ràng: "Trong ba nghiệp thân, khẩu và, ý thì ý nghiệp là tối quan trọng."⁷

Khi ta liệng một hòn đá vào cửa kính, cửa kính sẽ bị vỡ để lại một cái lỗ hổng. Lỗ hổng lớn hay nhỏ là tùy thuộc vào viên đá mà ta ném lớn hay nhỏ. Đây là một thí dụ đơn giản nhất về luật nhân quả trong đó nhân là hành động ném đá và quả là lỗ hổng ở trên cửa kính. Trong quá trình tạo nghiệp, theo định luật tự nhiên, tất cả các tác nhân đều đưa đến kết quả. Quả, theo điều

kiện nhân duyên sẽ được chín mùi vào một thời điểm nào đó ở ngay trong hiện kiếp hoặc các kiếp tương lai. Quả báo như vậy luôn luôn tương ứng với tác nhân đã tạo ra, không thể nào tránh khỏi được. Như trong Tập A-hàm, Ngũ Phần luật, Trường A-hàm kinh, Pháp cú (Dhammapada) 127, đức Phật đã dạy:

"Hết thầy cái có sinh đều có tử, thọ mệnh cuối cùng rồi cũng phải hết.

"Y vào nghiệp mà chịu duyên báo, thiện, ác đều có quả của nó.

"Tu phúc được sinh lên cõi trời, tạo ác thì phải vào địa ngục.

"Tu đạo thì dứt được sống, chết, mà nhập niết-bàn vĩnh viễn.

"Không ở trên không, không dưới biển, không trong rừng núi, không một chỗ nào trốn được cái chết.

"Ngay đến chư Phật Bồ-tát, Duyên giác, Thinh văn còn phải bỏ cái thân vô thường, huống nữa là phàm phu." ⁸

Các loại Nghiệp ảnh hưởng đến sự tái sanh.

Nghiệp như vậy gắn bó mật thiết với luật nhân quả. Tác nhân của những hành vi trong quá khứ, hình thành nên một năng lực liên tục cho đến ngày hôm nay thể hiện qua thọ quả. Từ nghiệp nhân đến nghiệp quả trải qua một dòng tương tục như là một ngọn lửa từ một ngọn đèn được truyền nối qua những ngọn đèn kế tiếp, đây chính là sức mạnh của nghiệp mà thường trong Phật giáo gọi là nghiệp lực. Khi cái thọ mệnh cuối cùng của một đời người chấm dứt, như đã nói ở trên, cái nghiệp lực này sẽ dẫn dắt "chúng sanh đầu thai" đi tìm chỗ tái sanh. Cái nghiệp thức này về mặt giáo nghĩa có thể đã được lý giải khác nhau tùy theo quan điểm của các bộ phái Phật giáo Tiểu thừa hay Đại thừa, bài viết này không có nhu cầu đi sâu vào việc nghiên cứu về chủ đề này, chỉ nhấn mạnh đến các loại Nghiệp đã có những tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ vào tiến trình đầu thai, đó là bốn loại Nghiệp tác động bao gồm Nghiệp Tái Tạo (Janaka Kamma), Nghiệp Trợ Duyên (Upatthambhaka Kamma), Nghiệp Bỏ Đòng (Upapidaka Kamma), và Nghiệp Tiêu Diệt (Upaghataka Kamma); cùng bốn loại Nghiệp báo ứng bao gồm: Trọng Nghiệp (Garuka Kamma), Cận Tử Nghiệp (Asanna Kamma), Thường Nghiệp (Acinna Kamma), và Tích Trữ Nghiệp (Katatta Kamma).

Phật Giáo quan niệm rằng, những tư tưởng cuối cùng của con người trước phút lâm chung đóng một vai trò quan trọng trong việc quyết định cảnh giới tái sanh sắp tới. Đây là lúc mà Nghiệp lành hay dữ phát huy năng lực mạnh nhất tạo điều kiện cho sự đầu thai thế nên được gọi là Nghiệp Tái Tạo. Theo nhận thức thông thường, Nghiệp Tái Tạo này chính là những vốn liếng công

đức, phẩm hạnh của cả một đời người, ai tích lũy thiện nghiệp sẽ được đầu thai về những cảnh giới tốt đẹp và ngược lại. Tuy nhiên, vấn đề không đơn giản như vậy, đôi lúc vẫn có những đột biến bất ngờ xảy ra trước phút lâm chung. Có người suốt đời gieo trồng thiện nghiệp nhưng trước khi lìa đời do ảnh hưởng của ngoại cảnh, một niệm ác bỗng khởi lên đưa thần thức của họ đến những cảnh giới không tốt đẹp. Cũng có những trường hợp trái lại, một người suốt đời làm việc ác, nhưng trước phút lâm chung tỉnh ngộ và hối hận, tâm thức của họ khởi lên thiện niệm, họ liền hưởng được quả lành, thần thức nương vào đó mà được tái sinh vào những cảnh giới tốt đẹp hơn. Điều này giải thích tại sao một người trước phút lâm chung cần có một vị thầy hay một thiện hữu trí thức ở bên cạnh.

Tuy nhiên đến đây có người sẽ đặt vấn đề: Nếu cho rằng cảnh giới tái sinh tùy thuộc vào một niệm phát khởi trước phút lâm chung thì như vậy kẻ làm thiện hay ác đến phút cuối đời đâu có gì khác nhau? Về vấn đề này chúng ta phải nên hiểu rằng chuyện đột biến chỉ là những trường hợp cá biệt và cũng đều có nhân duyên của nó, hơn nữa cho dù có đột biến xảy ra bởi ngoại cảnh, những nghiệp lành hay dữ mà một cá nhân tích lũy trong kiếp sống sẽ không mất đi, nó trở thành Nghiệp quá khứ và tác động trở lại vào Nghiệp Tái Tạo khi hội đủ nhân duyên trong dòng luân hồi bất tận của một chúng sanh. Nếu Nghiệp quá khứ này chen vào hỗ trợ cho Nghiệp Tái Tạo trong chiều hướng tích cực tức là giúp thần thức đầu thai về những cảnh giới tốt đẹp hơn thì được gọi là "Nghiệp Trợ Duyên" còn nó làm ngăn trở, chướng ngại theo chiều hướng tiêu cực thì gọi là "Nghiệp Bỏ Đồng". Ngoài ra, cũng trong giai đoạn quyết định này, đột nhiên một Nghiệp quá khứ khác nghịch chiều và mạnh hơn, xuất hiện một cách bất ngờ, có khả năng tiêu diệt hoàn toàn năng lực của các Nghiệp khác, tác động ngay vào tiến trình đầu thai thì được gọi là "Nghiệp Tiêu Diệt" (Upaghataka Kamma).

Về mặt Nghiệp quả, tức là khả năng báo ứng (vipakadanasena), loại Nghiệp đầu tiên được nói đến là "Trọng Nghiệp" (Garuka Kamma), tức là Nghiệp nặng, lành hay dữ, được gây ra do một hành động đặc biệt nghiêm trọng. Loại Nghiệp này sẽ tạ nên một hậu quả tức thời ngay trong hiện kiếp hoặc trở thành nhân tố chính dẫn đến sự tái sinh trong kiếp kế tiếp. Nếu lúc tái sinh mà không có một Trọng Nghiệp làm điều kiện cho sự đầu thai vào kiếp kế tiếp thì "Cận Tử Nghiệp" (Asanna Kamma) sẽ là nghiệp lực dắt dẫn thần thức đi thọ sanh. Cận Tử Nghiệp là hành vi cuối cùng, hay cũng có thể là bất cứ hình ảnh, ý niệm nào mà chấp tư tưởng cuối cùng nhớ đến trước khi lâm chung. Về mặt tác dụng, loại Cận Tử Nghiệp này gần giống với loại Nghiệp Tái Tạo như đã nói ở trên. Trong giai đoạn thân trung ấm, nếu tiến

trình đầu thai không bị tác động bởi hai loại Nghiệp trên thì loại nghiệp thứ ba tức là "Thường Nghiệp" (Acinna Kamma) sẽ phát huy tác dụng. Thường Nghiệp là tất cả những hành động, việc làm, thói quen mà ta thường lập đi lập lại trong đời sống hằng ngày, un đúc trở thành tập khí, tâm tánh của mỗi con người. Đó cũng là những điều mà ta thường tưởng nhớ đến hoặc ưa thích hơn hết trong kiếp sống hiện tại, chẳng hạn như những tình cảm yêu thương gắn bó trong mỗi liên hệ gia đình, cha mẹ, vợ chồng, con cái,? và rồi trong phút lâm chung chúng sẽ trở nên những hình ảnh gắn bó với thần thức, tạo nên tác động ảnh hưởng vào tiến trình đầu thai. Cuối cùng những trường hợp nào không thuộc vào một trong ba loại nghiệp kể trên thì được gom chung lại thành một loại là Nghiệp Tích Trữ (Katatta Kamma) tức là cái vốn dự trữ của một cá nhân.

Tạm Kết Luận

Chúng ta đã đi qua một số khái niệm cơ bản về luật nhân quả, nghiệp báo và luân hồi làm nền tảng cho lý thuyết đầu thai, tái sinh theo quan điểm Phật giáo. Tuy nhiên để tạm thời kết thúc vấn đề này có ba điểm mà chúng ta không thể không lưu ý:

Thứ nhất, thuyết tái sinh luân hồi không phải là một học thuyết của riêng Phật giáo. Như đã trình bày ở trên, đây là một gia sản tinh thần của nhân loại được chia sẻ bởi hầu hết các tôn giáo lớn trên địa cầu. Ngay cả Cơ Đốc Giáo, niềm tin này cũng đã phảng phất trong Thánh kinh Tân Ước, cụ thể như trong "Tin Lành Theo Thánh Ma-Thi-O":

Khi Jêsus đến trong địa phận Sê-sa-rê Phi-líp bèn hỏi môn đồ rằng : " Người ta nói Con người là ai ? "

Họ thưa rằng : " Người thì nói Giăng Báp-Tít, kẻ thì nói Ê-li, kẻ khác lại nói Giê-rê-mi hay là một tiên tri nào đó. " (Matthew 16 :13-14) 42.

Hoặc một đoạn trong " Tin Lành Theo Thánh Giăng " :

Khi Jêsus đi qua, thấy một người mù từ thuở sanh ra. Môn đồ hỏi Ngài rằng : " Ra-bi, ai đã phạm tội, người này hay là cha mẹ người, mà người sanh ra thì mù? "

Jésus đáp rằng : " Người này không phạm tội, cha mẹ người cũng không, nhưng ấy để cho công việc Đức Chúa Trời được tỏ ra trong người. " (John 9 :1-2) 256

Thứ hai, định luật Nghiệp Báo của Phật giáo hoàn toàn khác biệt với Thuyết Định Mệnh hay Tiền Định ở một số tín ngưỡng khác. Với Phật giáo, số phận của một con người không hề được an bài, sắp đặt bởi bàn tay của một đấng chủ tể hay Thượng Đế nào, và do đó không ai có thể cãi đổi được. Tuy cho rằng nguyên nhân tạo nên hoàn cảnh chênh lệch trong đời sống của con người là sự khác biệt giữa cái Nghiệp mỗi chúng sanh tạo ra, nhưng Phật Giáo không bao giờ xem Nghiệp là một nguyên nhân duy nhất và điều quan trọng hơn, Phật giáo còn quan niệm rằng dòng sinh mệnh của một con người là một dòng chảy liên tục và sống động mà mỗi con người có khả năng góp phần vào làm chuyển đổi dòng chảy đó ngay trong kiếp sống này. Tinh thần này đã được thể hiện rõ ràng trong lời Đức Phật phê phán về sự hiểu biết về Nghiệp và luật nhân quả một cách cứng ngắt:

"Nếu luận như vậy và quả quyết rằng do những hành động trong quá khứ mà con người trở thành sát nhân, trộm cướp, dâm loạn, láo xược, thô lỗ, nhảm nhí, tham lam, xảo quyệt, hư hèn, thì ta có lý do để ý lại, dựa trên quá khứ mà không muốn thực hiện, không cố gắng thực hiện, và cũng không cần thiết phải thực hiện, hay không thực hiện, một hành động, dầu hành động ấy có đáng thực hiện hay không. "

Trên cơ sở của những học thuyết và niềm tin về giáo lý tái sanh, luân hồi, Phật giáo xem phôi bào là một sinh mệnh, vì đây là một " chúng sanh đầu thai ". Gần đây, qua những công trình nghiên cứu của các nhà khoa học tên tuổi, mà nổi bật nhất là của BS/GS Ian Stevenson, Khoa trưởng Phân Khoa Thần Kinh và Phân Tâm, Đại Học Y Khoa Virginia, HK (1957-1967), đã đưa ra rất nhiều những bằng chứng có tính thuyết phục, vấn đề tái sanh, đầu thai, tiền kiếp, hậu kiếp trong thời đại ngày nay đã không còn là chuyện mê tín, hoang đường. Viện thống kê Gallup danh tiếng của Hoa Kỳ trong năm 1999 đã thực hiện một cuộc thăm dò về đề tài này, kết quả cho thấy đã có đến trên 20% người Cơ Đốc tin tưởng vào chuyện tái sanh. Dr. Christopher Bache tác giả cuốn "Life Cycles: Reincarnation and the Web of Life" và đồng thời cũng là Giáo sư giảng dạy bộ môn tôn giáo tại Trường Đại học Youngstown State University trong một cuộc phỏng vấn đặc biệt dành cho hãng AOL mới đây, đã khẳng định rằng, "Với các chứng nghiệm càng ngày càng mạnh mẽ hơn, các nhà thờ rồi đây sẽ phải chấp nhận chuyện này như là một vấn đề đơn giản trong cuộc sống. " ⁹ Phát xuất từ những công trình

nghiên cứu này mà một phương thức trị liệu mới được chấp nhận để điều trị những căn bệnh bất trị, những căn bệnh mà các phương tiện y khoa hiện đại đã bó tay không tìm ra nguyên nhân, đó là bộ môn THÔI MIÊN TRỊ LIỆU PHÁP, qua đó những chuyên gia về thôi miên có thể giúp bệnh nhân đi trở ngược lại quá khứ, nhận ra rằng căn bệnh của họ có nguyên nhân từ những kiếp trước và nhờ thế được chữa khỏi bệnh.

Thứ ba, khi đã hiểu rõ vấn đề tái sanh, đầu thai, luân hồi, nghiệp quả theo quan điểm Phật giáo, người ta sẽ rất dễ dàng hiểu được cái chết là gì và ý nghĩa của nó trong chu kỳ thành, trụ, hoại, không của vạn pháp. Bồ tát Thế Thân trong A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận (Abhidharmakosha), cho rằng cuộc sống là cái giá nâng đỡ của nhiệt và tâm thức, sự dừng lại của hoạt động này là cái chết. Thời gian thân thể vật chất và tâm thức kết hợp là đời sống, sự tách lìa chúng tạo ra cái chết. Về ba mức độ biểu lộ của thân và tâm, tức là mức độ thô, tế và rất vi tế, cái chết là sự chia lìa giữa tâm thức và thân xác bởi vì không thể có sự chia lìa giữa tâm thức vi tế nhất và yếu tố vật chất vi tế nhất. Nhận định này đã góp phần vào việc lý giải lời Phật dạy trong Trung Bộ Kinh đã được trích dẫn ở trên: "Nếu nhằm lúc thọ thai của người mẹ và chúng sanh đi đầu thai cũng có mặt trong lúc giao hợp, nếu hội đủ ba nhân: tinh-trùng, noãn bào và thức, thì mầm sống được gieo trồng: "Này các Tỳ-kheo, nơi nào có ba thành tố ấy hợp lại thì tại nơi đó một mầm sống được gieo". Từ cách nhìn của Phật giáo, cái chết như vậy bao gồm 2 yếu tố: sự tan rã của sắc uẩn được báo hiệu bằng sự giá lạnh của cơ thể (không còn nhiệt) và sự chấp nhận của thức rời bỏ thể xác cũ để đi vào cảnh giới mới hay giai đoạn thân trung ấm. Trong hai yếu tố này, sự hiểu biết của nhà khoa học -cụ thể là người thầy thuốc- về tâm thức, hay thần thức cho đến nay vẫn chỉ là một con số không, thế nên họ không có đủ tư cách để can thiệp vào việc quyết định dòng sinh mệnh hay cái chết của một con người. Ngay cả đối với những trường hợp mà giới y khoa cho là " chết não bộ " hay " tình trạng cây cỏ ", việc chấm dứt thọ mạng của những chúng sanh này dù dưới bất cứ chiêu bài, nhãn hiệu nào đều là một hành vi sát nhân. Tham dự vào công việc này, là Phật tử bạn còn phạm một tội ác khác, đó là cản trở tiến trình đầu thai của một chúng sinh, bởi lẽ làm sao bạn biết được lúc nào thì thần thức chuẩn bị rời bỏ thân xác, nhất là khi thân xác vẫn còn nóng ấm, nghĩa là chưa chết? Chúng ta chưa có đủ trí tuệ của một đấng Giác Ngộ, nói về chuyện trợ tử thì cũng chỉ là những người mù nói chuyện về ánh sáng, tuy nhiên căn cứ vào những lời dạy của Ngài còn để lại, ta vẫn có thể có được những ánh sáng soi đường...

Tâm Hà Lê Công Đa

---o0o---

SÁCH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bên Kia Cửa Tử -Trần Ngọc Anh
- Bí Ẩn Về Tiền Kiếp Hậu Kiếp - Đoàn Văn Thông
- Kinh Thánh - The Gideons International.
- Kinh Trường A Hàm - Thích Thiện Siêu
- Luật Quả Báo - Đoàn Văn Thông
- Past Lives, Future Lives - Dr. Bruce Goldberg
- Sự Sống và Sự Chết trong Phật Giáo - Thích Thiện Châu
- Một nhận định về A-lại-da Thức - Hòa thượng Walpola Ràhula - Tỳ kheo Giác Nguyên dịch Việt
- Luân hồi, nghiệp báo - Thích Đức Thắng
- Nhân Quả - Thích Đức Thắng
- Giáo lý Phật giáo về sự Tái Sanh - Đại Đức Narada Maha Thera - Bác sĩ Nguyễn Trạch Thiện dịch
- Chết là gì? - Tenzin Gyatso- Thiện Tri Thức dịch

---o0o---

Hết

-
- ¹ . Beyond Dogma, HH the Dalai Lama. Rupa & Co., 1996. P. 11.
 - ² . Beyond Dogma, HH the Dalai Lama .Rupa & Co., 1996. P. 43.
 - ³ . The Tibetan Book of The Dead, Evans Wentz, p.p.183-184.
 - ⁴ . The Tibetan Book of The Dead, Evans Wentz, p.186.
 - ⁵ . Atthasalini, trang 63; The Expositor, phần I, trang 91."LÝ NHÂN QUẢ, Nàrada Mahà Thera. Phạm Kim Khánh dịch -(Trích "Đức Phật và Phật Pháp", Chương 18-21)"
 - ⁶ . Anguttara Nikaya, iii, 415; The Expositor phần I, trang 117; Atthasalini, trang 88 "LÝ NHÂN QUẢ, Nàrada Mahà Thera. Phạm Kim Khánh dịch - (Trích "Đức Phật và Phật Pháp", Chương 18-21)"
 - ⁷ . Trung A-hàm 32, Đ. 1
 - ⁸ . Tạp A-hàm 3, tr.891, Ngũ Phần luật, Đ.21, trang: 28a. Trường A-hàm, Đại 1, tr.127.
 - ⁹ . Laura Sheahen phỏng vấn Life Cycles: Reincarnation and the Web of Life